BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN 04/2022

RECOMMENDED RETAIL PRICE LIST

ỔN ÁP - BIẾN ÁP

Automatic Voltage Stabilizer
Power Transformer

Ổn áp tự động 1 pha
A.V.S 1 Phase
Ổn áp tự động 3 pha
A.V.S 3 Phase
Ổn áp tự động 3 pha ngâm dầu
A.V.S 3 Phases - Oil Filled
Biến áp đổi nguồn hạ áp
Low Voltage Transformer
Biến áp vô cấp
Variable Transformer
Nguồn 1 chiều DC (Nạp ác quy)
DC Power Transformer
Biến áp điện lực 3 pha ngâm dầu
3 Phases Power Transformer Oil Filled
Máy điều áp dưới tải
Step Voltage Regulator

04/2022

LiOA
For now & Forever!

ỔN ÁP 1 PHA

A.V.S 1 PHASE

THÔNG SỐ KỸ THUẬT - *SPECIFICATIONS*

Kiểu - *Type*	**SH - II (NEW 2020)**		**DRI - II (NEW 2020)**	**DRII - II (NEW 2020)**
Điện áp vào - *Input Voltage*	130V ÷ 250V 2 - 3- 5kVA	150V ÷ 250V 0.5 -1 -7.5 - 10 -15 -20 -30 -30 -50kVA	90V ÷ 250V	50V ÷ 250V
Điện áp ra - *Output Voltage*	220V - 110V ± 2 ~ 3% *(Riêng công suất 2kVA có thêm đường ra 100V)*			
Tần số - *Frequency*	49Hz ÷ 62Hz			
Thời gian đáp ứng với 10% điện áp vào thay đổi *Response Time Against 10% Input Voltage Deviation*	0,4s ÷ 1s 500VA ÷ 10.000VA		1s ÷ 3s 15.000VA ÷ 50.000VA	
Nhiệt độ môi trường *Ambient Temperature*	-5°C ÷ +40°C			
Nguyên lý điều khiển *Control System*	Động cơ Servo *Servo Motor*			
Kiểu dáng - *Design*	Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) thay đổi không cần báo trước *The design can be changed without prior notice*			
Độ cách điện - *Insulation Resistance*	Lớn hơn 3MΩ ở điện áp 1 chiều 500V - *More than 3MΩ at DC 500V*			
Độ bền điện - *Dielectric Strength*	Kiểm tra ở điện áp 2000V trong vòng 1 phút *Teste d at AC 2000V for 1 min*			

ỔN ÁP 3 PHA

A.V.S 3 PHASES - DRY TYPE

ĐIỀU CHỈNH 3 PHA ĐỘC LẬP

THÔNG SỐ KỸ THUẬT - *SPECIFICATIONS*

Kiểu - *Type*	**NM - II**	**SH3 - II**	**DR3 - II**
Điện áp vào - *Input Voltage*	304V ~ 420V (175V ~ 242V)	260V ~ 430V(150V~248V)	160V ~ 430V (90V ~ 250V)
Điện áp ra - *Output Voltage*	380V ± 2 ~ 3%	380V ± 2 ~ 3% (200V ± 2 ~ 3%)*	380V ± 2 ~ 3% (200V ± 2 ~ 3%)*
Tần số - *Frequency*	49Hz ~ 62Hz		
Thời gian đáp ứng với 10% điện áp vào thay đổi *Response Time Against 10% Input Voltage Deviation*	⩽ 30kVA 0,4s ÷ 1s	> 30kVA 1s ÷ 3s	
Nhiệt độ môi trường *Ambient Temperature*	-5°C ~ +40°C		
Nguyên lý điều khiển *Control System*	Động cơ Servo 1 chiều *DC Servo Motor*		
Kiểu dáng - *Design*	Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) thay đổi không cần báo trước *The design can be changed without prior notice*		
Độ cách điện - *Insulation Resistance*	Lớn hơn 3MΩ ở điện áp 1 chiều 500V - *More than 3MΩ at DC 500V*		
Độ bền điện - *Dielectric Strength*	Kiểm tra ở điện áp 1500V trong vòng 1 phút *Tested at AC 1500V for 1 min*		

* Từ 3KVA đến 30KVA máy có 2 đường ra 380V/200V, từ máy 45KVA trở lên chỉ có 380V (Quy cách khác có thể sản xuất theo yêu cầu)

Đồ thị giới hạn công suất ra ở các mức điện áp vào

The output capacity limit chart at input voltage level

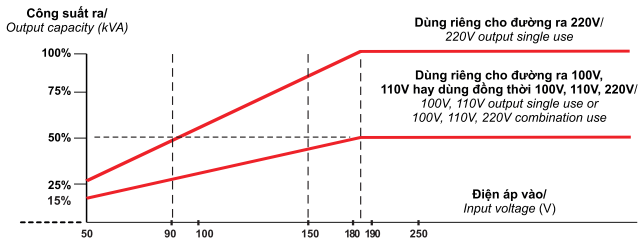

1 PHASE

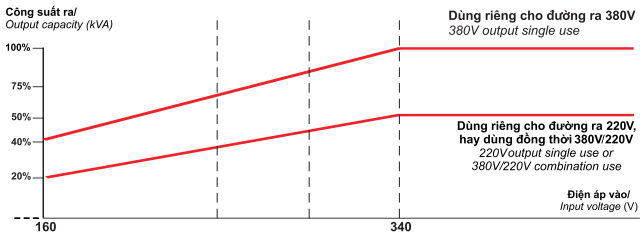

3 PHASE

SH - II (NEW 2020)

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 150V ~ 250V/ *INPUT VOLTAGE RANGE* 130V/150V ~ 250V
2 - 3- 5kVA : 130V ~ 250V

Mã sản phẩm *Code*	Công suất/ *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC)/ *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight (kg)*	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
SH - 500 II	0,5	225 x 175 x 177	5,0	**1.600.000**	*70,80*
SH - 1000 II	1	225 x 175 x 177	6,2	**1.850.000**	*81,86*
SH - 2000 II	2	285 x 208 x 218	9,6	**3.150.000**	*139,38*
SH - 3000 II	3	305 x 220 x 305	11,0	**3.600.000**	*159,29*
SH - 5000 II	5	305 x 220 x 305	14,8	**4.600.000**	*203,54*
SH - 7500 II	7,5	405 x 220 x 310	20,0	**6.000.000**	*265,49*
SH - 10000 II	10	405 x 220 x 310	22,5	**6.950.000**	*307,52*
SH - 15000 II	15	562 x 312 x 510	54,0	**15.000.000**	*663,72*
SH - 20000 II	20	562 x 312 x 510	56,0	**16.550.000**	*732,30*
SH - 25000 II	25	690 x 488 x 450	69,0	**21.550.000**	*953,54*
SH - 30000 II	30	690 x 488 x 450	76,0	**24.900.000**	*1.101,77*
SH - 50000 II	50	700 x 480 x 660	120,0	**38.400.000**	*1.699,12*

DRI - II (NEW 2020)

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 90V ~ 250V/ *INPUT VOLTAGE RANGE* 90V ~ 250V

Mã sản phẩm *Code*	Công suất/ *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC)/ *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight (kg)*	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
DRI - 500 II	0,5	225 x 172 x 177	5,6	**1.700.000**	*75,22*
DRI - 1000 II	1	237 x 183 x 200	7,0	**2.100.000**	*92,92*
DRI - 2000 II	2	285 x 208 x 218	10,0	**3.300.000**	*146,02*
DRI - 3000 II	3	305 x 220 x 305	12,0	**3.700.000**	*163,72*
DRI - 5000 II	5	305 x 220 x 305	15,0	**4.800.000**	*212,39*
DRI - 7500 II	7,5	415 x 240 x 355	26,0	**7.600.000**	*336,28*
DRI - 10000 II	10	415 x 240 x 355	30,2	**9.900.000**	*438,05*
DRI - 15000 II	15	562 x 312 x 510	58,0	**17.850.000**	*789,82*
DRI - 20000 II	20	700 x 480 x 660	83,0	**23.600.000**	*1.044,25*
DRI - 30000 II	30	700 x 480 x 660	103,0	**35.600.000**	*1.575,22*

DRII - II (NEW 2020)

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 50V ~ 250V/ *INPUT VOLTAGE RANGE* 50V ~ 250V

Mã sản phẩm *Code*	Công suất/ *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC)/ *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight (kg)*	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
DRII - 1000 II	1	237 x 183 x 200	7,8	**2.300.000**	*101,77*
DRII - 2000 II	2	285 x 208 x 218	10,0	**3.650.000**	*161,50*
DRII - 3000 II	3	305 x 220 x 305	15,0	**4.450.000**	*196,90*
DRII - 5000 II	5	405 x 220 x 310	20,0	**5.900.000**	*261,06*
DRII - 7500 II	7,5	445 x 315 x 440	29,2	**8.750.000**	*387,17*
DRII - 10000 II	10	490 x 408 x 440	41,0	**12.150.000**	*537,61*
DRII - 15000 II	15	700 x 480 x 660	86,0	**21.700.000**	*960,18*
DRII - 20000 II	20	700 x 480 x 660	100,0	**27.800.000**	*1.230,09*

ỔN ÁP 3 PHA

A.V.S 3 PHASES

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 304V ~ 420V

INPUT VOLTAGE RANGE 304V ~ 420V

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC) *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight* *(kg)*	Giá (VND)	*Price* (USD)
NM-150KII	150	935 x 665 x 1865	472	**112.000.000**	*4.955,75*
NM-200KII	200	1450 x 850 x 1900	730	**214.000.000**	*9.469,03*
NM-250KII	250	1450 x 850 x 1900	850	**246.000.000**	*10.884,96*
NM-300KII	300	1450 x 870 x 2020	1020	**303.000.000**	*13.407,08*
NM-400KII	400	1450 x 870 x 2020	1220	**342.000.000**	*15.132,74*
NM-500K/3II	500	(1132 x 853 x 1535)x3	1350	**446.000.000**	*19.734,51*
NM-600K/3II	600	(1750 x 850 x 1430)x3	1630	**512.000.000**	*22.654,87*
NM-800K/3II	800	(1750 x 850 x 1430)x3	1890	**660.000.000**	*29.203,54*
NM-1000K/3II	1000	(1750 x 850 x 1430)x3	2200	**807.000.000**	*35.707,96*
NM-1200K/3II	1200	(2100 x 860 x 1200)x3	3120	**955.000.000**	*42.256,64*

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 260V ~ 430V

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC) *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight* *(kg)*	Giá (VND)	*Price* (USD)
SH3-3KII	3	410 x 280 x 640	29	**7.800.000**	*345,13*
SH3-6KII	6	410 x 280 x 640	32	**10.950.000**	*484,51*
SH3-10KII	10	480 x 365 x 715	44	**12.000.000**	*530,97*
SH3-15KII	15	480 x 365 x 715	52	**15.600.000**	*690,27*
SH3-20KII	20	545 x 390 x 1090	78	**22.600.000**	*1.000,00*
SH3-30KII	30	545 x 390 x 1090	87	**32.050.000**	*1.418,14*
SH3-45KII	45	610 x 470 x 1270	176	**45.100.000**	*1.995,58*
SH3-60KII	60	610 x 470 x 1270	188	**57.350.000**	*2.537,61*
SH3-75KII	75	780 x 562 x 1247	218	**64.900.000**	*2.871,68*
SH3-100KII	100	780 x 562 x 1247	246	**88.100.000**	*3.898,23*
SH3-150KII	150	820 x 710x 1635	390	**139.100.000**	*6.154,87*
SH3-200KII	200	1450 x 850 x 1900	580	**257.000.000**	*11.371,68*
SH3-250KII	250	1450 x 870 x 2020	1088	**295.000.000**	*13.053,10*
SH3-300KII	300	1450 x 870 x 2020	1185	**361.000.000**	*15.973,45*
SH3-400K/3II	400	(1132 x 853 x 1535)x3	1320	**407.000.000**	*18008,85*
SH3-500K/3II	500	(1750 x 850 x 1430)x3	1750	**535.000.000**	*23.672,57*
SH3-600K/3II	600	(1750 x 850 x 1430)x3	1910	**612.000.000**	*27.079,65*
SH3-800K/3II	800	(1750 x 850 x 1430)x3	3240	**790.000.000**	*34.955,75*
SH3-1000K/3II	1000	(2100 x 860 x 1200)x3	3650	**968.000.000**	*42.831,86*

DẢI ĐIỆN ÁP ĐẦU VÀO 160V ~ 430V

INPUT VOLTAGE RANGE 160V ~ 430V

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity (kVA)*	Kích thước (DxRxC) *Dimension (LxWxH) (mm)*	Trọng lượng/ *Weight* *(kg)*	Giá (VND)	*Price* (USD)
DR3-3KII	3	410 x 280 x 640	29	**9.050.000**	*400,44*
DR3-6KII	6	410 x 280 x 640	32	**11.350.000**	*502,21*
DR3-10KII	10	480 x 365 x 715	44	**12.600.000**	*557,52*
DR3-15KII	15	480 x 365 x 715	52	**20.800.000**	*920,35*
DR3-20KII	20	545 x 390 x 1090	96	**28.250.000**	*1.250,00*
DR3-30KII	30	545 x 390 x 1090	107	**39.350.000**	*1.741,15*
DR3-45KII	45	780 x 562 x 1297	206	**60.100.000**	*2.659,29*
DR3-60KII	60	800 x 570 x 1630	232	**75.350.000**	*3.334,07*
DR3-75KII	75	820 x 710 x 1635	360	**86.250.000**	*3.816,37*
DR3-100KII	100	820 x 710 x 1635	386	**117.000.000**	*5.176,99*

Các loại ổn áp có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Other specification is manufactured on requirement

ỔN ÁP 3 PHA NGÂM DẦU ĐIỀU CHỈNH CHUNG

A.V.S 3 PHASES - OIL FILLED TYPE

SỬ DỤNG CHO NHỮNG NƠI ĐIỆN ÁP 3 PHA CÂN BẰNG

THÔNG SỐ KỸ THUẬT - *SPECIFICATIONS*

Điện áp vào - *Input Voltage*	304V ~ 456V (380V ± 20%)
Điện áp ra - *Output Voltage*	380V (± 1% ~ 5%)
Tần số - *Frequency*	49Hz ~ 62Hz
Nhiệt độ môi trường *Ambient Temperature*	-5°C ~ +40°C
Nguyên lý điều khiển *Control System*	Động cơ Servo *Servo Motor*
Kiểu dáng - *Design*	Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) thay đổi không cần báo trước *The design can be changed without prior notice*
Độ cách điện - *Insulation Resistance*	Lớn hơn 3MΩ ở điện áp 1 chiều 500V - More than 3MΩ at DC 500V
Độ bền điện - *Dielectric Strength*	Kiểm tra ở điện áp 2000V trong vòng 1 phút *Tested at AC 2000V for 1 min*

Mã sản phẩm *Code*	Công suất/ *Capacity* *(kVA)*	Kích thước (DxRxC) *Dimension (LxWxH)* *(mm)*	Trọng lượng/ *Weight* *(kg)*	Giá (VNĐ)	*Price* (USD)
D-150	150	950 x 900 x 1440	700	**198.000.000**	8.761,06
D-200	200	950 x 900 x 1440	800	**217.000.000**	9.601,77
D-250	250	950 x 900 x 1440	820	**268.000.000**	11.858,41
D-300	300	960 x 930 x 1840	950	**329.000.000**	14.557,52
D-400	400	960 x 930 x 1840	1150	**370.000.000**	16.371,68
D-500	500	1250 x 1250 x 1850	1390	**507.000.000**	22.433,63
D-600	600	1250 x 1250 x 2000	1450	**579.000.000**	25.619,47
D-800	800	1250 x 1250 x 1900	1840	**748.000.000**	33.097,35
D-1000	1000	1560 x 1560 x 2350	2400	**917.000.000**	40.575,22
D-1500	1500	1650 x 1650 x 2450	2900	**1.339.000.000**	59.247,79
D-2000	2000	1650 x 1650 x 2450	3200	**1.761.000.000**	77.920,35

Các loại ổn áp có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Other specification is manufactured on requirement

BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP *LOW VOLTAGE TRANSFORMER*

Biến áp dùng để đổi điện cho các thiết bị công nghiệp có điện áp sử dụng theo tiêu chuẩn của Nhật, Đài Loan, Mỹ v.v... Và các nhu cầu đặc biệt khác..
This transformer is used to transform voltage for industrial electrical equipment which operate under US, Japanese, Taiwanese, electrical standard, etc. And for other special requirements.

■ BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP 1 PHA
1 PHASE LOW VOLTAGE TRANSFORMER

- **Điện áp vào** **220V** — Input 220V
- **Điện áp ra** **100V - 120V** — Output 100V - 120V
- **Tần số** **49Hz ~ 62Hz** — Frequency 49Hz ~ 62Hz

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước (mm) *Dimension*		Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
		Cao/ *Height*	Đường kính *Diameter*		
DN002	0,2	80	145	**350.000**	*15,49*
DN004	0,4	110	165	**500.000**	*22,12*
DN006	0,6	110	165	**500.000**	*22,12*
DN010	1,0	120	180	**600.000**	*26,55*
DN012	1,2	120	180	**650.000**	*28,76*
DN015	1,5	120	180	**700.000**	*30,97*
DN020	2,0	147	180	**950.000**	*42,04*
DN030	3,0	D(L) 245 x R(D) 215 x C(H)130		**1.200.000**	*53,10*

■ BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP 1 PHA
1 PHASE LOW VOLTAGE TRANSFORMER

NEW

TÍNH NĂNG VÀ ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM / *PRODUCT FEATURES AND ADVANTAGES*

Các tính năng và ưu điểm vượt trội chỉ có ở biến áp đổi nguồn của LiOA:
Outstanding features and advantages only available in LiOA Voltage Transformer:

1. Biến áp sử dụng nguyên liệu thép kỹ thuật điện cán lạnh cao cấp tổn hao thấp ≤ 0,9W/Kg.
The transformer coil is used high-grade cold-rolled silicon steel with low loss less than ≤ 0.9W/Kg.

2. Có 3 điện áp ra, khi điện áp đầu vào chuẩn 220V là : 100V, 110V, 120V để sử dụng cho các thiết bị điện tiêu chuẩn Nhật, Mỹ.
When the input voltage is right 220V, we can get 3 output voltages available at output side are 100V, 110V, 120V to use for Japanese and American standard electrical devices.

3. Biến áp đổi nguồn LiOA còn được sử dụng như một bộ thay đổi điện áp linh động khi điện áp đầu vào không đạt chuẩn 220V.
Furthermore, LiOA Voltage Transformer is also used as a flexible voltage adapter when the input voltage is not right value 220V.

VD: Khi điện áp đầu vào thấp - 200V mà bạn cần dùng đầu ra 100V thì lúc đó điện áp qua biến áp đổi nguồn chỉ đạt ngưỡng ~90V, khi đó bạn có thể dùng ổ cắm 110V để đạt được điện áp chuẩn 100V như mong muốn.
For example: When the input voltage is lower (~200V), the output voltage at 110V outlet will only reach around 90V, but you need to use 100V output, then you can use the desired value of 100V at the 110V outlet of transformer.

4. Biến áp đổi nguồn LiOA có CB bảo vệ quá tải.
LiOA voltage transformer use CB for overload protection

5. Ổ cắm thông minh, cắm được phích dẹt 3 chấu.
Smart socket, 3-pin flat (plug type B) can be plug in.

CB bảo vệ quá tải
CB Protection

CHÚ Ý: Khi không chắc chắn điện áp đầu vào đạt chuẩn 220V, bạn cần sử dụng đồng hồ để đo điện áp đầu ra trước khi dùng để đạt được hiệu suất cao nhất của thiết bị.
NOTE: When you are not sure that the input voltage meets right 220V, you need to use a meter to measure the output voltage to ensure that your device is used with the suitable voltage & achieving the highest efficiency of the device.

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước (mm) *Dimension* D(L) x R(D) x C(H)	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
DN008N	0,8	180 x 85 x 240	**1.350.000**	*59,74*
DN010N	1,0	180 x 85 x 240	**1.550.000**	*68,58*
DN015N	1,5	180 x 85 x 240	**1.800.000**	*79,65*

■ BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP 3 PHA

3 PHASES LOW VOLTAGE TRANSFORMER

• **Điện áp vào**	**380V**	Input	380V
• **Điện áp ra**	**200V (220V)**	Output	200V (220V)
• **Tần số**	**49Hz ~ 62Hz**	Frequency	49Hz ~ 62Hz

*** Các loại có công suất từ 200KVA trở lên: Điện áp ra chỉ có 1 đường ra 200V hoặc 220V theo đơn đặt hàng.**

** The transformers with capacity from 200kVA & above, there will be only 1 output voltage 200V or 220V under the request of orders.*

LOẠI TỰ NGẪU

AUTO LOW VOLTAGE TRANSFORMER

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước (mm) (Dài x Rộng x Cao) *Dimension L x W x H*	Trọng lượng *Weight* (kg)	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
3K101M2YH5YT	10	490x400x520	70	**8.300.000**	*367,26*
3K151M2YH5YT	15	490x400x520	75	**10.000.000**	*442,48*
3K201M2YH5YT	20	490x400x520	85	**13.650.000**	*603,98*
3K301M2YH5YT	30	540x440x570	120	**17.000.000**	*752,21*
3K501M2YH5YT	50	740x590x760	155	**23.250.000**	*1.028,76*
3K601M2YH5YT	60	740x590x760	175	**25.000.000**	*1106,19*
3K801M2YH5YT	80	740x590x760	215	**27.400.000**	*1.212,39*
3K102M2YH5YT	100	740x590x760	260	**30.700.000**	*1.358,41*
3K152M2YH5YT	150	940x700x860	410	**44.000.000**	*1.946,90*
3K202M2YH5YT	200	950x800x980	455	**62.600.000**	*2.769,91*
3K252M2YH5YT	250	950x800x980	530	**76.000.000**	*3.362,83*
3K322M2YH5YT	320	950x800x1120	700	**91.100.000**	*4.030,97*
3K402M2YH5YT	400	950x800x1120	790	**113.000.000**	*5.000,00*
3K562M2YH5YT	560	1400x1040x1280	930	**130.000.000**	*5.752,21*

LOẠI CÁCH LY

LOW VOLTAGE TRANSFORMER - ISOLATED TYPE

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước (mm) (Dài x Rộng x Cao) *Dimension L x W x H*	Trọng lượng *Weight* (kg)	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
3K630M2DH5YC	6,3	540x440x570	90	**10.100.000**	*446,90*
3K800M2DH5YC	8	540x440x570	95	**12.600.000**	*557,52*
3K101M2DH5YC	10	540x440x570	100	**14.150.000**	*626,11*
3K151M2DH5YC	15	540x440x570	128	**17.450.000**	*772,12*
3K201M2DH5YC	20	740x590x760	155	**21.900.000**	*969,03*
3K301M2DH5YC	30	740x590x760	185	**31.600.000**	*1.398,23*
3K501M2DH5YC	50	740x590x760	320	**43.150.000**	*1.909,29*
3K601M2DH5YC	60	940x700x860	355	**45.700.000**	*2.022,12*
3K801M2DH5YC	80	950x800x980	450	**56.450.000**	*2.497,79*
3K102M2DH5YC	100	950x800x980	480	**66.350.000**	*2.935,84*
3K152M2DH5YC	150	950x800x1120	665	**86.350.000**	*3.820,80*
3K202M2DH5YC	200	1400x1040x1280	870	**101.000.000**	*4.469,03*
3K252M2DH5YC	250	1400x1040x1280	920	**111.000.000**	*4.911,50*
3K322M2DH5YC	320	1400x1040x1280	1150	**127.000.000**	*5.619,47*
3K402M2DH5YC	400	1500x1150x1390	1360	**152.000.000**	*6.725,66*
3K562M2DH5YC	560	1500x1150x1390	1390	**203.000.000**	*8.982,30*

Các loại máy có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Other specification is manufactured on requirement

Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) có thể thay đổi không cần báo trước
The design can be changed without prior notice

■ NGUỒN 1 CHIỀU DC (MÁY NẠP ẮC QUY)

DC POWER TRANSFORMER, (BATTERY CHARGE)

Sử dụng cho việc nạp ắc quy trực tiếp hay vào các thiết bị điện 1 chiều. Các nhu cầu điện áp và dòng lớn hơn được sản xuất theo yêu cầu.

Possible to use for battery charging directly or to any DC electrical equipment. Other specification is manufactured on requirement.

Mã sản phẩm *Code*	Dòng tải *Current* (A)	Điện áp vào *Input Voltage* (V)	Điện áp ra *Output Voltage* (V)	Kích thước (mm) *Dimension* (Dài x Rộng x Cao)	Trọng lượng *Weight* (kg)	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
BC1815	15	220	DC 2V ~ 18V	290x220x180	7,0	**2.300.000**	*101,77*
BC1830	30	220	DC 2V ~ 18V	290x220x180	8,4	**2.950.000**	*130,53*
BC3630	30	220	DC 2V ~ 36V	400x260x235	13,2	**3.600.000**	*159,29*
BC5030	30	220	DC 2V ~ 50V	400x310x290	19,4	**4.400.000**	*194,69*

THIẾT BỊ KIỂM TRA ẮC QUY

BATTERY TESTING EQUIPMENT

Thiết bị kiểm tra ắc quy dễ sử dụng, chỉ một vài thao tác là có thể kiểm tra ngay được chất lượng bình ắc quy còn tốt hay đã kém.

Battery testing equipment: Easy to use. Easy to check battery's quality.

Mã sản phẩm *Code*	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
TBDAQ	**750.000**	*33,19*

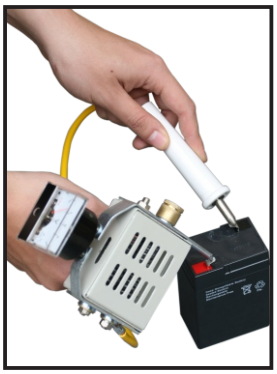

BIẾN ÁP VÔ CẤP

VARIABLE TRANSFORMER

Sử dụng cho các nhu cầu thí nghiệm, các nhu cầu đặc biệt
Các nhu cầu dải điện áp khác tiêu chuẩn sản xuất theo yêu cầu
Use for laboratory or special requirement
Higher voltage range is manufactured on requirement

■ BIẾN ÁP VÔ CẤP 1 PHA/ 1 PHASE VARIABLE TRANSFORMER

- **Điện áp vào** **220V** *Input* *220V*
- **Điện áp ra** **2V ~ 250V** *Output* *2V ~ 250V*
- **Tần số** **49Hz ~ 62Hz** *Frequency* *49Hz ~ 62Hz*

Mã sản phẩm *Code*	Dòng tải tối đa *Max Current* (A)	Công suất *Capacity* (kVA)	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
SD-255	5A	1,1	**1.400.000**	*61,95*
SD-2510	10A	2,2	**2.200.000**	*97,35*
SD-2515	15A	3,3	**3.200.000**	*141,59*
SD-2525	25A	5,5	**5.400.000**	*238,94*
SD-2537.5	37,5A	8,25	**7.500.000**	*331,86*
SD-2550	50A	11	**10.800.000**	*477,88*
SD-2575	75A	16,5	**16.100.000**	*712,39*
SD-25100	100A	22	**21.150.000**	*935,84*
SD-25150	150A	33	**30.700.000**	*1.358,41*
SD-25250	250A	55	**50.500.000**	*2.234,51*
SD-25300	300A	66	**60.700.000**	*2.685,84*
SD-25500	500A	110	**101.000.000**	*4.469,03*

Các loại máy có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Other specification is manufactured on requirement

■ BIẾN ÁP VÔ CẤP 3 PHA/ 3 PHASES VARIABLE TRANSFORMER

- **Điện áp vào** **380V** *Input* *380V*
- **Điện áp ra** **5V ~ 430V** *Output* *5V ~ 430V*
- **Tần số** **49Hz ~ 62Hz** *Frequency* *49Hz ~ 62Hz*

Mã sản phẩm *Code*	Dòng tải tối đa *Max Current* (A)	Công suất *Capacity* (kVA)	Giá (VNĐ)	*Price (USD)*
S3-435	5A	3,3	**4.950.000**	*219,03*
S3-4310	10A	6,6	**6.400.000**	*283,19*
S3-4315	15A	9,9	**9.500.000**	*420,35*
S3-4325	25A	16,5	**16.100.000**	*712,39*
S3-4337.5	37,5A	24,7	**21.950.000**	*971,24*
S3-4350	50A	33	**32.650.000**	*1.444,69*
S3-4375	75A	49,5	**57.200.000**	*2.530,97*
S3-43100	100A	66	**64.250.000**	*2.842,92*
S3-43150	150A	99	**111.000.000**	*4.911,50*
S3-43250	250A	165	**151.000.000**	*6.681,42*
S3-43300	300A	198	**182.000.000**	*8.053,10*
S3-43500	500A	330	**303.000.000**	*13.407,08*

Các loại máy có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Other specification is manufactured on requirement

BIẾN ÁP ĐIỆN LỰC 3 PHA NGÂM DẦU

3 PHASES POWER TRANSFORMER OIL-FILLED TYPE

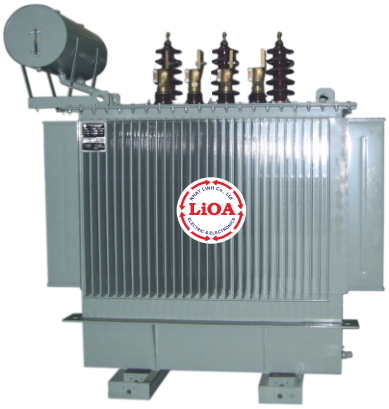

■ 6/ 0,4kV; 10/ 0,4kV; 22/ 0,4kV;

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước(mm) *Dimension* (DàixRộngxCao)	Giá (VNĐ)	*Price* (USD)
3D751M1YM1Y1	75	1190x680x1290	**141.000.000**	*6.238,94*
3D102M1YM1Y1	100	1310x700x1470	**152.000.000**	*6.725,66*
3D162M1YM1Y1	160	1370x770x1530	**175.000.000**	*7.743,36*
3D182M1YM1Y1	180	1370x770x1530	**196.000.000**	*8.672,57*
3D252M1YM1Y1	250	1475x810x1615	**251.000.000**	*11.106,19*
3D322M1YM1Y1	320	1605x850x1665	**303.000.000**	*13.407,08*
3D402M1YM1Y1	400	1575x860x1765	**353.000.000**	*15.619,47*
3D562M1YM1Y1	560	1790x920x1870	**405.000.000**	*17.920,35*
3D632M1YM1Y1	630	1840x900x1860	**419.000.000**	*18.539,82*
3D752M1YM1Y1	750	1870x950x1870	**445.000.000**	*19.690,27*
3D802M1YM1Y1	800	1870x950x1870	**475.000.000**	*21.017,70*
3D103M1YM1Y1	1000	2025x1000x1950	**569.000.000**	*25.176,99*
3D123M1YM1Y1	1250	2030x1000x2160	**671.000.000**	*29.690,27*

■ 10(22)/0,4kV

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước(mm) *Dimension* (DàixRộngxCao)	Giá (VNĐ)	*Price* (USD)
3D751H2TM1Y1	75	1190x680x1350	**148.000.000**	*6.548,67*
3D102H2TM1Y1	100	1310x700x1520	**159.000.000**	*7.035,40*
3D162H2TM1Y1	160	1370x770x1600	**183.000.000**	*8.097,35*
3D182H2TM1Y1	180	1370x770x1600	**206.000.000**	*9.115,04*
3D252H2TM1Y1	250	1475x810x1650	**263.000.000**	*11.637,17*
3D322H2TM1Y1	320	1605x850x1700	**318.000.000**	*14.070,80*
3D402H2TM1Y1	400	1575x920x1800	**371.000.000**	*16.415,93*
3D562H2TM1Y1	560	1790x920x1920	**425.000.000**	*18.805,31*
3D632H2TM1Y1	630	1840x900x1920	**440.000.000**	*19.469,03*
3D752H2TM1Y1	750	1870x950x1920	**467.000.000**	*20.663,72*
3D802H2TM1Y1	800	1870x950x1920	**499.000.000**	*22.079,65*
3D103H2TM1Y1	1000	2025x1000x2000	**597.000.000**	*26.415,93*
3D123H2TM1Y1	1250	2030x1000x2000	**704.000.000**	*31.150,44*

■ 35/ 0,4kV

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước(mm) *Dimension* (DàixRộngxCao)	Giá (VNĐ)	*Price* (USD)
3D751M3YM1Y1	75	1220x700x1350	**144.000.000**	*6.371,68*
3D102M3YM1Y1	100	1480x720x1545	**155.000.000**	*6.858,41*
3D162M3YM1Y1	160	1500x820x1645	**178.000.000**	*7.876,11*
3D182M3YM1Y1	180	1500x820x1645	**200.000.000**	*8.849,56*
3D252M3YM1Y1	250	1605x840x1720	**256.000.000**	*11.327,43*
3D322M3YM1Y1	320	1705x880x1770	**309.000.000**	*13.672,57*
3D402M3YM1Y1	400	1705x870x1850	**361.000.000**	*15.973,45*
3D562M3YM1Y1	560	1895x900x1890	**413.000.000**	*18.274,34*
3D632M3YM1Y1	630	1945x900x1995	**427.000.000**	*18.893,81*
3D752M3YM1Y1	750	2025x980x1995	**454.000.000**	*20.088,50*
3D802M3YM1Y1	800	2025x980x1995	**484.000.000**	*21.415,93*
3D103M3YM1Y1	1000	2050x1000x2060	**580.000.000**	*25.663,72*
3D123M3YM1Y1	1250	2090x1030x2250	**685.000.000**	*30.309,73*

■ 35(22)/0,4kV

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity* (kVA)	Kích thước(mm) *Dimension* (DàixRộngxCao)	Giá (VNĐ)	*Price* (USD)
3D751H4NM1Y1	75	1220x700x1390	**151.000.000**	*6.681,42*
3D102H4NM1Y1	100	1480x720x1590	**163.000.000**	*7.212,39*
3D162H4NM1Y1	160	1500x820x1690	**187.000.000**	*8.274,34*
3D182H4NM1Y1	180	1500x820x1690	**210.000.000**	*9.292,04*
3D252H4NM1Y1	250	1605x840x1760	**269.000.000**	*11.902,65*
3D322H4NM1Y1	320	1705x880x1810	**325.000.000**	*14.380,53*
3D402H4NM1Y1	400	1705x870x1890	**379.000.000**	*16.769,91*
3D562H4NM1Y1	560	1895x900x1930	**434.000.000**	*19.203,54*
3D632H4NM1Y1	630	1945x900x2030	**449.000.000**	*19.867,26*
3D752H4NM1Y1	750	2025x980x2030	**477.000.000**	*21.106,19*
3D802H4NM1Y1	800	2025x980x2030	**509.000.000**	*22.522,12*
3D103H4NM1Y1	1000	2050x1000x2100	**609.000.000**	*26.946,90*
3D123H4NM1Y1	1250	2090x1030x2290	**719.000.000**	*31.814,16*

Các loại máy có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Other specification is manufactured on requirement
Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) có thể thay đổi không cần báo trước
The design can be changed without prior notice

MÁY ĐIỀU ÁP DƯỚI TẢI *STEP VOLTAGE REGULATOR*

- **Máy điều áp LiOA duy trì sự ổn định của lưới điện thông qua việc nâng lại điện áp bị sụt giảm trong quá trình truyền tải điện.**
  LiOA Step Voltage Regulator maintain the sabilization of the power network through stepping up the voltage lost during the power transmission.
- **Máy điều áp LiOA điều chỉnh điện áp ngay trên mạng lưới trung thế đảm bảo điện áp trung thế trên từng vùng ổn định.**
  LiOA Step Voltage Regulator regulates medium voltage power line and ensure The stabilization of medium voltage to every remote areas.
- **Nhờ tính năng trên của máy điều áp LiOA mà chúng ta giảm được**
  This outstanding features of LiOA Step Voltage Regulator, we can reduce
  - **Thực trạng về hiện tượng điện áp liên tục thay đổi/** *The fact of voltage is always changing*
  - **Tổn hao điện năng do sụt áp trong quá trình truyền tải điện/** *The loss of power due to reduced voltage during transmission*
  - **Số lần ngắt điện để chỉnh điện áp/** *The frequency of power cut for power switchboard adjustment*
  - **Chi phí vận hành mạng truyền tải điện/** *The cots for operating the power transmission network*

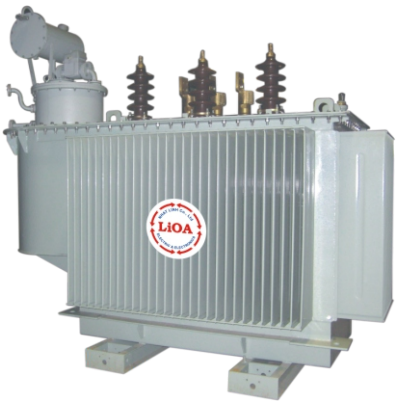

MÁY BIẾN ÁP ĐIỆN LỰC TỰ ĐỘNG ỔN ĐỊNH ĐIỆN ÁP AUTOMATIC STABILIZER POWER TRANSFORMER

22 ± 4x 5%/ 0.4kV
(Dãy điện áp tiêu chuẩn: 6,3kV; 10kV; 15kV; 22kV; 35kV)/ (*Standard medium Voltage 6,3kV; 10kV; 15kV; 22kV; 35kV)*

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity (kVA)*	Giá/ *Price* (VNĐ)	Cấp điện áp 22/0,4kV 22kV±4x2,5% Cấp điện áp 35/0,4kV 35kV±4x2,5%
3B422C	400	**1.054.000.000**	27.982,30
3B562C	560	**1.108.000.000**	29.415,93
3B632C	630	**1.148.000.000**	30.477,88
3B752C	750	**1.240.000.000**	32.920,35
3B10022C	1000	**1.450.000.000**	38.495,58
3B12522C	1250	**1.592.000.000**	42.265,49

MÁY ĐIỀU ÁP DƯỚI TẢI 3 PHA TỰ NGẪU 3 PHASES STEP VOLTAGE REGULATOR

22 ± 4 x 2,5%/ 22kV
(Dãy điện áp tiêu chuẩn: 6,3kV; 10kV; 15kV; 22kV; 35kV)/ (*Standard medium Voltage 6,3kV; 10kV; 15kV; 22kV; 35kV)*

Mã sản phẩm *Code*	Công suất *Capacity (kVA)*	Dòng tải *Load Current (A)*	Giá/ *Price* (VNĐ)	Cấp điện áp 22/25kV 22kV±6x1.0%,-20x1.0% (22kV±5x1.18%,-17x1.18%) Cấp điện áp 35/ 35kV 35kV±6x1.0%,-20x1.0% (35kV±5x1.18%,-17x1.18%)
3T403T	4.000	100	**2.625.000.000**	69.690,27
3T603T	6.000	150	**2.740.000.000**	72.743,36
3T803T	9.000	200	**3.120.000.000**	82.831,86
3T104T	10.000	250	**3.215.000.000**	85.353,98
3T114T	11.500	300	**3.450.000.000**	91.592,92
3T134T	13.500	350	**4.358.000.000**	115.699,12
3T164T	16.000	400	**4.582.000.000**	121.646,02

Các loại máy có quy cách khác được sản suất theo yêu cầu
Kiểu dáng (kích thước, trọng lượng) có thể thay đổi không cần báo trước

Other specification is manufactured on requirement
The design can be changed without prior notice

BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN 04/2022

RECOMMENDED RETAIL PRICE LIST

Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao LiOA
LiOA High-tech

Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội
Vinh Hung - Hoang Mai - Hanoi - Vietnam

lioa.com.vn
nhatlinh@lioa.com.vn

04/2022

LiOA
For now & Forever!

2022